

Bản án số: 17/2019/DS-ST

Ngày 13-8-2019

V/v tranh chấp kiện đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Quỳnh Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Thanh Cường

Ông Trần Văn Phụng

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Công Định- Thư ký Tòa án nhân dân huyện LN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LN, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện LN tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thẩm thụ lý số: 13/2019/TLST-DS ngày 05 tháng 3 năm 2019 về việc “Tranh chấp kiện đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2019/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2019/QĐST- DS ngày 31/7/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1954 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn ĐT, xã TD, huyện LN, tỉnh Bắc Giang.

- *Bị đơn:* Bà Đặng Thị T, sinh năm 1962 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn TG 2, xã TD, huyện LN, tỉnh Bắc Giang.

-*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ông Đồng Văn Ph, sinh năm 1961 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn TG 2, xã TD, huyện LN, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 26/02/2019 và các bản tự khai, biên bản lấy lời khai tiếp theo nguyên đơn bà Đỗ Thị H trình bày:

Bà với bà Đặng Thị T là quan hệ hàng xóm. Ngày 07/7/2011 dương lịch bà có cho bà Đặng Thị T vay số tiền là 85.000.000 đồng khi cho vay có viết giấy tờ biên nhận. Thỏa thuận lãi suất miệng. Mục đích bà T nói vay tiền là để cho chồng đi nước ngoài. Thời hạn thanh toán là ngày 07/7/2014 bà T phải trả gia

định bà số tiền trên. Nhưng sau khi vay tiền xong bà T chưa trả được gia đình bà đồng nào tiền gốc và lãi. Nay bà yêu cầu bà T phải trả gia đình bà số tiền gốc còn nợ trên là 85.000.000 đồng và tiền lãi bà không yêu cầu.

Tại phiên tòa hôm nay bà Đỗ Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại biên bản lấy khai ngày 09/5/2019, và các biên bản lấy lời khai tiếp theo bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà với bà Đỗ Thị H là hàng xóm với nhau vào ngày 07/7/2011 bà có vay của bà Đỗ Thị H số tiền là 85.000.000 đồng khi vay có viết giấy tờ biên nhận và hai bên thỏa thuận lãi suất miệng, thời hạn thanh toán là một năm nhưng trong giấy ghi ngày trả là 07/7/2014. Mục đích bà vay tiền là vay hộ cho em dâu của bà để làm ăn. Khi vay tiền của bà H bà không bàn bạc với chồng bà là ông Đồng Văn Ph, số tiền này bà đi vay hộ nên không đầu tư phát triển kinh tế cho gia đình. Sau khi vay tiền xong bà đã trả cho bà H được một lần ghi vào sổ của bà H số tiền cụ thể đã trả và thời điểm trả cho bà H bà không nhớ. Nay bà H khởi kiện yêu bà thanh toán số tiền gốc là 85.000.000 đồng quan điểm của bà xác định đây là nợ riêng của bà không liên quan đến chồng bà là ông Phải, bà đồng ý trả khoản tiền trên nhưng bà xin trả dần mỗi tháng là 2.000.000 đồng vì điều kiện kinh tế khó khăn.

Tại phiên tòa hôm nay bà Đặng Thị T vắng mặt lần hai không có lý do.

Tại bản tự khai ngày 11/4/2019 và biên bản lấy lời khai tiếp theo người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đồng Văn Ph trình bày: Ông với bà Đỗ Thị H là hàng xóm với nhau sự việc vợ ông là bà Đặng Thị T ngày 07/7/2011 có vay tiền của bà Đỗ Thị H ông không được biết vì bà T không nói chuyện bàn bạc gì với ông và bà T cũng không mang số tiền này về đầu tư phát triển kinh tế gia đình. Thời điểm bà T vay tiền của bà H lúc đó ông đang ở Hàn Quốc. Nay bà H khởi kiện yêu ông cùng có trách nhiệm liên đới thanh toán số tiền gốc bà T đã vay là 85.000.000 đồng quan điểm của ông không được vay mượn số tiền trên của bà H do vậy ông không đồng ý thanh toán mà đây là nợ riêng của bà T. Do không liên quan đến việc vay mượn trên nên ông xin từ chối tham gia tố tụng tại Tòa án.

Tại phiên tòa hôm nay ông Đồng Văn Ph có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LN tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký Tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa HĐXX sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía các đương sự, chấp hành nghiêm chỉnh, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 471; Điều 474; Điều 476, khoản 2 Điều 478 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 147, 227, 228, 238, 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị H. Buộc bà Đặng Thị T phải có nghĩa vụ trả cho bà Đỗ Thị H số tiền gốc là 85.000.000 đồng.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề xuất giải quyết về nghĩa vụ chậm trả tiền, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền:* Ngày 05/3/2019, Tòa án nhân dân huyện LN thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện yêu cầu tranh chấp hợp đồng kiện đòi tài sản của bà Đỗ Thị H với bà Đặng Thị T là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Đỗ Thị H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đồng Văn Ph có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn bà Đặng Thị T vắng mặt lần hai không có lý do. Nên HĐXX căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của bà Đỗ Thị H và quá trình giải quyết vụ án các đương sự thừa nhận vào ngày 07/7/2011 bà Đặng Thị T có vay của bà Đỗ Thị H số tiền là 85.000.000 đồng khi vay có viết giấy tờ biên nhận, hai bên thỏa thuận lãi suất miệng, thời hạn thanh toán là một năm nhưng trong giấy ghi ngày trả là 07/7/2014. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp liên quan đến số tiền trên là tranh chấp hợp đồng quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471, khoản 2 Điều 477 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị H, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2] *Về số tiền gốc phải trả:*

Ngày 07/7/2011 giữa bà Đỗ Thị H và bà Đặng Thị T đã xác lập hợp đồng vay tài sản mang tên người vay là Đặng Thị T và người cho vay là Đỗ Thị H. Giao dịch dân sự giữa bà Đỗ Thị H với bà Đặng Thị T đã được xác lập tháng ngày 07/7/2011 H toàn phù hợp với quy định tại Điều 121 của Bộ luật dân sự năm 2005. Khi tham gia giao dịch dân sự bà H cũng như bà T đều có đủ năng lực hành vi dân sự, mục đích và nội dung giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội, người tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện. Những vấn đề này hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 122 của BLDS năm 2005.

Kể từ khi vay tiền bà T chưa trả cho bà H đồng tiền gốc, tiền lãi. Nay bà H

yêu cầu bà T trả cho bà số tiền gốc còn nợ là 85.000.000 đồng. HĐXX xét thấy yêu cầu trên của bà H là phù hợp với quy định tại Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005 nên cần chấp nhận.

[3] *Về trách nhiệm trả tiền*: Quá trình giải quyết vụ án bà H yêu cầu vợ chồng bà T, ông Ph phải có trách nhiệm liên đới trả tiền. Hội đồng xét xử xét thấy, trong giấy vay tiền chỉ có bà T ký nhận. Trong quá trình giải quyết vụ án bà T trình bày khoản vay tiền này do bà vay hộ không liên quan đến ông Ph là chồng bà, mặt khác tại thời điểm bà T vay tiền của bà H lúc đó ông Ph đang ở nước ngoài, bà không vay để phát triển kinh tế trong gia đình. Do vậy HĐXX xác định đây là số nợ riêng của bà Đặng Thị T nên cần buộc bà Đặng Thị T phải có trách nhiệm trả bà Đỗ Thị H số tiền gốc còn nợ là 85.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền*: Kể từ ngày có đơn đề nghị thi hành án của bà Đỗ Thị H, nếu bà Đặng Thị T không trả được số tiền trên thì còn phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[5] *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bà Đặng Thị T phải chịu 4.250.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà Đỗ Thị H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Căn cứ Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; , Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271; Điều 272; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471; Điều 474; khoản 2 Điều 478 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình.

Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị H.

Buộc bà Đặng Thị T phải có nghĩa vụ trả cho bà Đỗ Thị H số tiền gốc là 85.000.000 đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và bà Đỗ Thị H có đơn đề nghị thi hành án mà bà Đặng Thị T không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền phải thi hành án thì bà Đặng Thị T còn phải chịu tiền lãi của số tiền chưa thi

hành án theo mức lãi suất 10% quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. *Về án phí*: Buộc bà Đặng Thị T phải chịu 4.250.000 đồng tiền án phí dân sơ thẩm.

Bà Đỗ Thị H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. *Về quyền kháng cáo*:

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TAND tỉnh Bắc Giang;

VKSND tỉnh Bắc Giang;

VKSND huyện LN;

Chi cục THADS huyện LN;

Các đương sự;

Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Quỳnh Hoa